

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23



CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch
Ông Park Soon O	Ủy viên
Ông Cho Yong Hwan	Ủy viên
Ông Lee Je Won	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đào	Ủy viên
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Bà Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên
Ông Jean-Eric Jacquemin	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Ông Jean - Charles Belliol	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Ông Ngô Phương Chi	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Park Soon O	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính
Ông Lim Jin Taek	Giám đốc Bán hàng
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính - Nhân sự
Ông Lee Je Won	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lưu Jac Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2012



Số: 974 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 23. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

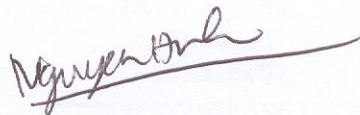
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1291/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		631.096.904.297	517.578.676.446
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	119.379.463.167	194.655.450.698
1. Tiền	111		4.780.631.817	10.800.475.974
2. Các khoản tương đương tiền	112		114.598.831.350	183.854.974.724
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.694.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	23.694.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		106.098.603.556	84.850.323.292
1. Phải thu khách hàng	131		66.520.925.665	59.740.666.032
2. Trả trước cho người bán	132		39.557.817.957	22.755.293.558
3. Các khoản phải thu khác	135		3.916.084.884	5.437.433.865
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.896.224.950)	(3.083.070.163)
IV. Hàng tồn kho	140	7	358.077.770.714	223.644.173.934
1. Hàng tồn kho	141		358.077.770.714	223.644.173.934
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.847.066.860	14.428.728.522
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.392.198.491	4.065.123.131
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.786.744.646	7.125.786.682
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		150.000.000	150.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.518.123.723	3.087.818.709
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		215.889.393.088	150.410.990.962
I. Tài sản cố định	220		197.043.869.930	137.272.715.005
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	133.322.315.895	113.938.369.073
- Nguyên giá	222		245.888.067.555	211.897.943.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.565.751.660)	(97.959.574.544)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	21.304.963.569	23.334.345.932
- Nguyên giá	228		37.440.687.876	37.183.200.761
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.135.724.307)	(13.848.854.829)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	42.416.590.466	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.418.360.000	6.418.360.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	2.395.160.000	2.395.160.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	1.023.200.000	4.023.200.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		15.427.163.158	6.719.915.957
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		14.471.652.531	5.576.592.860
2. Tài sản dài hạn khác	268		955.510.627	1.143.323.097
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		846.986.297.385	667.989.667.408

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		154.743.461.614	93.046.567.399
I. Nợ ngắn hạn	310		137.200.012.242	76.064.162.898
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	37.909.422.703	-
2. Phải trả người bán	312		34.454.257.921	25.714.615.128
3. Người mua trả tiền trước	313		3.415.761.568	3.057.352.309
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	48.785.053.185	35.015.807.865
5. Phải trả người lao động	315		7.873.586.692	9.454.709.297
6. Chi phí phải trả	316		1.562.682.446	312.812.341
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.199.247.727	2.508.865.958
II. Nợ dài hạn	330		17.543.449.372	16.982.404.501
1. Phải trả dài hạn khác	333		321.868.000	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.821.581.372	2.582.404.501
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	15	14.400.000.000	14.400.000.000
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		692.242.835.771	574.943.100.009
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	692.242.835.771	574.943.100.009
1. Vốn điều lệ	411		234.019.860.000	153.279.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.000.000.000	191.000.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.462.123.000)	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.294.382.346	3.501.804.790
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		265.390.716.425	227.161.335.219
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		846.986.297.385	667.989.667.408



Lee Jae Eun
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2012

Cho Yong Hwan
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng	01		801.476.581.705	567.480.517.750
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		798.216.445	466.387.921
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	17	800.678.365.260	567.014.129.829
4. Giá vốn hàng bán	11	18	485.407.711.734	332.128.194.035
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		315.270.653.526	234.885.935.794
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	21.075.651.840	23.199.955.234
7. Chi phí tài chính	22	20	13.727.344.875	15.295.831.469
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.753.539.458	166.079.681
8. Chi phí bán hàng	24		73.075.204.204	49.581.432.333
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		58.828.364.101	65.551.490.333
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		190.715.392.186	127.657.136.893
11. Thu nhập khác	31		1.639.951.901	2.635.682.572
12. Chi phí khác	32		1.451.611.035	601.067.015
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		188.340.866	2.034.615.557
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		190.903.733.052	129.691.752.450
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	40.259.875.941	27.320.074.341
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		150.643.857.111	102.371.678.109



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2012

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	190.903.733.052	129.691.752.450
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	17.441.744.596	11.177.358.208
Các khoản dự phòng	03	813.154.787	(2.789.270.350)
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	113.085.423	(810.373.066)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(15.814.806.016)	(15.449.865.014)
Chi phí lãi vay	06	2.753.539.458	166.079.681
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	196.210.451.300	121.985.681.909
(Tăng) các khoản phải thu	09	(34.844.888.075)	(34.954.043.198)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(134.433.596.780)	(92.588.347.385)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả thuế thu nhập phải nộp)	11	5.384.393.362	3.494.751.644
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	(8.464.627.575)	(3.988.200.325)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.298.857.515)	(166.079.681)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(27.508.076.355)	(21.776.902.298)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	10.405.297.167
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.764.961.478)	(1.680.141.582)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.720.163.116)	(19.267.983.749)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang	21	(73.105.840.241)	(68.859.146.012)
2. Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn	23	(23.694.000.000)	(562.868.807.229)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	562.868.807.229
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(2.421.359.513)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.108.516.546	15.506.641.629
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(74.691.323.695)	(55.773.863.896)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của các cổ đông	31	4.100.000.000	150.000.000.000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(2.462.123.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	115.440.585.076	21.006.915.895
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(77.644.247.796)	(21.006.915.895)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(30.298.715.000)	(10.392.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.135.499.280	139.607.960.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(75.275.987.531)	64.566.112.355
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	194.655.450.698	130.691.248.872
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(601.910.529)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	119.379.463.167	194.655.450.698

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 4.267.965.750 VND (năm 2010 là 3.330.000.000 VND), là số tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2012

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055, do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2007 và các chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Công ty có thời hạn hoạt động là 40 năm kể từ ngày 04 tháng 09 năm 2003.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.009 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.032).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 24.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011 (số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	09 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị thương hiệu, kênh phân phối, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	2011 (số năm)
Thương hiệu	20
Kênh phân phối	15
Phần mềm máy tính	04
Tài sản vô hình khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000, Công văn số 4130/TCT-CS của Bộ Tài chính gửi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 03 tháng 11 năm 2008 và Biên bản làm việc ngày 26 tháng 05 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ thời điểm Công ty bắt đầu kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Năm 2011 là năm thứ tám Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp ban hành ngày 03 tháng 6 năm 2008, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động này chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	383.577.266	299.977.099
Tiền gửi ngân hàng	4.397.054.551	10.500.498.875
Các khoản tương đương tiền	114.598.831.350	183.854.974.724
	<u>119.379.463.167</u>	<u>194.655.450.698</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm.

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	5.787.596.203	1.425.944.332
Nguyên liệu, vật liệu	189.785.133.929	131.277.758.424
Công cụ, dụng cụ	85.616.520	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.446.986.427	3.987.532.657
Thành phẩm	153.536.619.537	81.776.783.983
Hàng hoá	4.192.654.616	4.918.750.804
Hàng gửi đi bán	243.163.482	257.403.734
	<u>358.077.770.714</u>	<u>223.644.173.934</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM
Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	42.871.156.276	148.443.241.404	13.562.699.129	4.991.469.403	2.029.377.405	211.897.943.617
Tăng trong năm	-	30.630.843.801	1.735.095.543	2.194.092.890	150.005.176	34.710.037.410
Thanh lý	-	(22.052.703)	(670.710.769)	-	(27.150.000)	(719.913.472)
Tại ngày 31/12/2011	42.871.156.276	179.052.032.502	14.627.083.903	7.185.562.293	2.152.232.581	245.888.067.555
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	17.172.726.967	73.525.921.647	2.624.704.930	3.879.297.735	756.923.265	97.959.574.544
Trích vào chi phí trong năm	1.487.135.233	11.029.923.306	995.153.009	1.121.590.929	521.072.641	15.154.875.118
Phân loại lại	(11.440.454)	(232.874.475)	1.076.271.725	(825.277.777)	(6.679.019)	-
Thanh lý	-	-	(544.173.002)	-	(4.525.000)	(548.698.002)
Tại ngày 31/12/2011	18.648.421.746	84.322.970.478	4.151.956.662	4.175.610.887	1.266.791.887	112.565.751.660
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	24.222.734.530	94.729.062.024	10.475.127.241	3.009.951.406	885.440.694	133.322.315.895
Tại ngày 31/12/2010	25.698.429.309	74.917.319.757	10.937.994.199	1.112.171.668	1.272.454.140	113.938.369.073

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với giá trị là 32.135.648.698 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 30.668.751.463 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAMXã Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Thương hiệu VND	Kênh phân phối VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	23.494.500.000	7.831.500.000	5.274.119.189	583.081.572	37.183.200.761
Tăng trong năm	-	-	153.675.000	103.812.115	257.487.115
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	23.494.500.000	7.831.500.000	5.427.794.189	686.893.687	37.440.687.876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	8.779.523.694	4.216.961.545	579.307.519	273.062.071	13.848.854.829
Trích vào chi phí trong năm	1.080.461.633	516.362.335	571.268.145	118.777.365	2.286.869.478
Tại ngày 31/12/2011	9.859.985.327	4.733.323.880	1.150.575.664	391.839.436	16.135.724.307
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	13.634.514.673	3.098.176.120	4.277.218.525	295.054.251	21.304.963.569
Tại ngày 31/12/2010	14.714.976.306	3.614.538.455	4.694.811.670	310.019.501	23.334.345.932

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lắp đặt hệ thống POS	1.120.150.001	-
Xây dựng nhà máy Hưng Yên II	41.296.440.465	-
	42.416.590.466	-

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 07 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp với vốn điều lệ là 9.600.000.000 VND, số vốn các cổ đông thực góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 4.125.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan, nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất nệm và các sản phẩm liên quan. Theo Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số vốn điều lệ của công ty con này, tương đương 5.568.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số vốn Công ty thực góp vào công ty con này là 2.395.160.000 VND.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản đầu tư kinh doanh cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 4.400 và giá trị là 1.023.200.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	26.052.508.642	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	11.856.914.061	-
	<u>37.909.422.703</u>	<u>-</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay sau:

- Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) (“Ngân hàng ANZ”) theo tiện ích có thể rút bằng đồng USD với hạn mức tiện ích không vượt quá 2.800.000 USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- (a) hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho tại nhà kho ở Đồng Nai và các khoản phải thu của Công ty với giá trị ít nhất bằng 100% hạn mức tiện ích;
- (b) hợp đồng thế chấp dây chuyền máy móc sản xuất bông với giá trị 436.048 USD; và
- (c) bất kỳ biện pháp bảo đảm hoặc hỗ trợ tín dụng nào khác có thể được cung cấp cho Ngân hàng ANZ tùy từng thời điểm.

Mục đích của khoản vay nhằm hỗ trợ Công ty mua nguyên vật liệu hoặc để thanh toán các thư tín dụng chứng từ trả ngay do Ngân hàng ANZ phát hành. Kỳ hạn tối đa cho mỗi lần rút vốn là 150 ngày, lãi suất của bất kỳ khoản vay nào được cấp theo tiện ích này bằng 2,25%/năm cộng chi phí vốn vay.

- Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng với hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền nhập khẩu hàng hóa và các chi phí hợp lý khác phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và các mục đích khác. Khoản vay được đảm bảo bằng tài khoản đặt cọc. Trong đó Công ty phải đặt cọc ít nhất 20% giá trị khoản vay tại ngân hàng. Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng không vượt quá 7 tháng/khế ước. Lãi suất vay áp dụng tại thời điểm giải ngân và thay đổi theo từng thời kỳ.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.859.149.270	1.158.585.512
Thuế xuất, nhập khẩu	1.481.241.924	1.484.199.215
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.208.721.984	30.456.922.399
Thuế thu nhập cá nhân	2.178.431.378	1.861.137.639
Các loại thuế khác	57.508.629	54.963.100
	<u>48.785.053.185</u>	<u>35.015.807.865</u>

15. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 02 tháng 3 năm 2011, Công ty trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% lợi nhuận trước thuế của năm 2010 tương ứng với số tiền là 14.400.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	107.200.000.000	71.000.000.000	1.148.026.429	-	-	156.074.111.899
Phát hành cổ phiếu	30.000.000.000	120.000.000.000	-	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	16.079.960.000	-	-	-	-	(16.079.960.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	102.371.678.109
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	4.484.454.789	(4.484.454.789)
Có tức đã chia	-	-	-	-	-	(10.720.040.000)
Giảm khác	-	-	(1.148.026.429)	-	(982.649.999)	-
Số dư tại ngày 01/01/2011	153.279.960.000	191.000.000.000	-	-	3.501.804.790	227.161.335.219
Phát hành cổ phiếu mới(i)	4.100.000.000	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối(ii)	76.639.900.000	-	-	-	-	(76.639.900.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	150.643.857.111
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối(iii)	-	-	-	-	5.118.583.905	(5.118.583.905)
Có tức đã chia(iv)	-	-	-	-	-	(30.655.992.000)
Mua cổ phiếu quỹ(v)	-	-	-	(2.462.123.000)	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(4.326.006.349)	-
Số dư tại ngày 31/12/2011	234.019.860.000	191.000.000.000	-	(2.462.123.000)	4.294.382.346	265.390.716.425

(i) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành 410.000 cổ phiếu cho nhân viên theo phương án phát hành cổ phiếu lựa chọn cho cán bộ công nhân viên với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty được phê duyệt tăng thêm 50% thông qua việc phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ cổ phiếu thường là 50%.

(iii) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được tăng thêm 5.118.583.805 VND tương đương với 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2010.

(iv) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2011, Công ty quyết định chia có tức với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phiếu (2.000 đồng/cổ phiếu). Công ty đã thanh toán có tức với số tiền 29.970.715.000 VND trong năm. Phần có tức còn lại với số tiền 685.277.000 VND chưa được thanh toán.

(v) Trong năm, Công ty cũng thực hiện mua cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ/HĐQT/2011 với số tiền là 2.462.123.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 01 tháng 9 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 234.019.860.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh			Vốn thực góp tại ngày 31/12/2011	
	%	Số cổ phiếu	Số tiền VND	%	Số tiền VND
Ông Lee Jae Eun	15,92%	3.726.000	37.260.000.000	15,92%	37.260.000.000
Quý Đầu tư Red River Holdings	12,26%	2.869.500	28.695.000.000	12,26%	28.695.000.000
Các cổ đông khác	71,82%	16.806.486	168.064.860.000	71,82%	168.064.860.000
	100%	23.401.986	234.019.860.000	100%	234.019.860.000

17. DOANH THU

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu thành phẩm chăn gà đệm	522.208.198.726	400.275.068.912
Doanh thu thành phẩm bông	213.114.785.140	137.192.685.890
Doanh thu chăn bông	52.206.645.833	19.489.397.703
Doanh thu bán hàng hóa khác	13.946.952.006	10.523.365.245
Tổng	801.476.581.705	567.480.517.750
Các khoản giảm trừ	798.216.445	466.387.921
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>798.216.445</i>	<i>466.387.921</i>
Doanh thu thuần	800.678.365.260	567.014.129.829

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2011 VND	2010 VND
Giá vốn thành phẩm chăn gà đệm	321.652.633.362	227.253.364.492
Giá vốn thành phẩm bông	128.235.274.893	86.857.982.202
Giá vốn chăn bông	28.353.129.218	11.248.746.059
Giá vốn bán hàng hóa khác	7.166.674.261	6.768.101.282
	485.407.711.734	332.128.194.035

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	15.820.756.975	15.471.441.629
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.115.630.354	7.693.313.605
Cổ tức, lợi nhuận được chia	51.431.178	35.200.000
Doanh thu tài chính khác	87.833.333	-
	<u>21.075.651.840</u>	<u>23.199.955.234</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.753.539.458	166.079.681
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.973.805.417	15.129.751.788
	<u>13.727.344.875</u>	<u>15.295.831.469</u>

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	190.903.733.052	129.691.752.450
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	178.546.228.418	127.657.136.893
Lợi nhuận từ hoạt động khác	12.357.504.634	2.034.615.557
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	7.306.270.495	6.399.965.364
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	51.431.178	845.573.066
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	51.431.178	35.200.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	810.373.066
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.357.701.673	7.245.538.430
Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động kinh doanh	185.852.498.913	134.057.102.257
Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động khác	12.357.504.634	2.034.615.557
Thuế suất đối với hoạt động kinh doanh	20%	20%
Thuế suất đối với hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.259.875.941	27.320.074.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	40.259.875.941	27.320.074.341

22. CAM KẾT GÓP VỐN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Mattpia	3.175.000.000	3.175.000.000

Thể hiện số vốn còn phải góp theo cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam ("Mattpia") dựa trên tỷ lệ góp vốn là 58% vốn điều lệ của Công ty Mattpia theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CAM KẾT ĐẦU TƯ

Trong năm 2011, Công ty có cam kết đầu tư xây dựng nhà xưởng tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên với số tiền là 126.786.230.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 số tiền còn phải trả nhà cung cấp là 69.664.306.647 VND.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.379.463.167	194.655.450.698
Đầu tư ngắn hạn	23.694.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.540.785.599	62.095.029.734
Đầu tư dài hạn	1.023.200.000	4.023.200.000
Tổng cộng	210.637.448.766	260.773.680.432
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	37.909.422.703	-
Phải trả người bán và phải trả khác	34.454.257.921	25.714.615.128
Chi phí phải trả	1.562.682.446	312.812.341
Phải trả dài hạn khác	321.868.000	-
Tổng cộng	74.248.231.070	26.027.427.469

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	54.471.577.451	12.578.710.447	32.360.840.684	52.377.060.913
Euro (EUR)	-	-	5.346.219	5.665.209

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Vay ngắn hạn	37.909.422.703	-	37.909.422.703
Phải trả người bán và phải trả khác	34.454.257.921	-	34.454.257.921
Chi phí phải trả	1.562.682.446	-	1.562.682.446
Phải trả dài hạn khác	-	321.868.000	321.868.000
	<u>73.926.363.070</u>	<u>321.868.000</u>	<u>74.248.231.070</u>
31/12/2010	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Phải trả người bán và phải trả khác	25.714.615.128	-	25.714.615.128
Chi phí phải trả	312.812.341	-	312.812.341
	<u>26.027.427.469</u>	<u>-</u>	<u>26.027.427.469</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.379.463.167	-	119.379.463.167
Đầu tư ngắn hạn	23.694.000.000	-	23.694.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.540.785.599	-	66.540.785.599
Đầu tư dài hạn	-	1.023.200.000	1.023.200.000
	<u>209.614.248.766</u>	<u>1.023.200.000</u>	<u>210.637.448.766</u>
31/12/2010	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.655.450.698	-	194.655.450.698
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.095.029.734	-	62.095.029.734
Đầu tư dài hạn	-	4.023.200.000	4.023.200.000
	<u>256.750.480.432</u>	<u>4.023.200.000</u>	<u>260.773.680.432</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2011</u> VND	<u>2010</u> VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	2.277.672.109	2.437.925.765
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	9.545.340.202	8.804.607.339

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2011</u> VND	<u>31/12/2010</u> VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	-	66.093.400
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	448.983.890	-

Thu nhập Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2011</u> VND	<u>2010</u> VND
Lương gộp và các quyền lợi khác	10.638.607.903	5.130.326.224



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2012

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
